

**THỐNG KÊ KIỂM SÁT TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT,
QUYẾT ĐỊNH HOÃN, MIỄN CHẤP HÀNH, GIẢM THỜI HẠN,
TẠM ĐÌNH CHỈ, HOẶC MIỄN CHẤP HÀNH PHẦN THỜI GIAN
ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH CÒN LẠI**

- **Dòng 1 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số việc còn lại của kỳ trước VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 2 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê (khoản 2 điều 26, khoản 3 điều 27 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

(Dòng 2=Dòng 3+Dòng 4).

- **Từ dòng 3 đến dòng 4:** Phân loại số việc VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê theo từng việc cụ thể.

- **Dòng 5 (Số việc Tòa án gửi thông báo thụ lý cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số việc VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê và Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn (khoản 2 điều 26, khoản 3 điều 27 Pháp lệnh 09 trong kỳ thống kê).

- **Dòng 6 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số việc cũ + số việc mới

(Dòng 6 = Dòng 1+ Dòng 2)

- **Dòng 7 (Số việc Tòa án đã giải quyết):** Thống kê số việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp tố tụng này và Tòa án đã chuyển các quyết định đó sang VKS trong kỳ thống kê (hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết việc đó trong kỳ thống kê do VKS tham gia phiên họp).

- **Dòng 8 (Số việc Tòa án ra quyết định chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (điểm a khoản 4 Điều 26 PL 09).

- **Dòng 9 (Số việc Tòa án ra quyết định không chấp nhận đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định không chấp nhận đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 PL 09).

- **Dòng 10 (Số việc Tòa án ra quyết định chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp**

xử lý hành chính còn lại): Thống kê số việc Toà án ra quyết định chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại (điểm a khoản 4 Điều 27 PL 09).

- **Dòng 11 (Số việc Toà án ra quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại):** Thống kê số việc Toà án ra quyết định không chấp nhận đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại (điểm b khoản 4 Điều 27 PL 09).

- **Dòng 12 (Số quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Toà án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong quyết định đó bao gồm cả các quyết định buộc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Tr.đó: Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Toà án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê.

- **Dòng 14 (Số việc VKS kháng nghị):** Thống kê số việc VKS đã có quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định của Toà án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Toà án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 16 (Số bản kiến nghị của VKS với Toà án trong quá trình xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về những vi phạm của Toà án trong kỳ thống kê (bản kiến nghị đã ban hành trong kỳ thống kê, còn vi phạm nêu trong bản kiến nghị có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước; vi phạm có thể là về nội dung hoặc về hình thức).

- **Dòng 17 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án đã có văn bản của Toà án về việc chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 18 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã được Toà án trả lời bằng văn bản không chấp nhận kiến nghị, trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 19 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại trong kỳ thống kê.